

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC NINH THUẬN

**KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VÀ NĂM 2024 KÉO DÀI ĐẾN HẾT NGÀY 28/02/2025
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2025	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ (A+B+C)	2.464.518	205.983	8%	56.442	1.062	2%
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>177.917</i>	<i>56.660</i>	<i>32%</i>	<i>2.596</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
1	<i>CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025</i>	<i>43.607</i>	<i>12.048</i>	<i>28%</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
2	<i>CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025</i>	<i>36.193</i>	<i>12.816</i>	<i>35%</i>	<i>1.998</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
3	<i>CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030</i>	<i>98.117</i>	<i>31.795</i>	<i>32%</i>	<i>597</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
A	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	114.000		0%			
1	BQLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	107.000		0%			
2	Viện nghiên cứu Bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hố	7.000		0%			
B	NGÂN SÁCH TỈNH (B.1+B.2)	1.747.260	81.754	5%	5.121	-	0%
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>21.991</i>	<i>553</i>	<i>3%</i>	<i>1.412</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
1	<i>CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025</i>	<i>9.476</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
2	<i>CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025</i>	<i>11.915</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>	<i>1.412</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
3	<i>CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030</i>	<i>600</i>	<i>553</i>	<i>92%</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
B.1	NHÓM BQLDA CHUYÊN NGÀNH	1.492.500	78.002	5%	-	-	
1	Ban xây dựng năng lực và thực hiện các dự án ODA ngành nước	300		0%			
2	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp	3.100		0%			
3	BQLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	584.033	11.129	2%			
4	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông	905.067	66.873	7%			

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2025	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
B.2	NHÓM CHỦ ĐẦU TƯ LÀ SỞ, BAN, NGÀNH	254.760	3.752	1%	5.121	-	0%
1	Tỉnh Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	100		0%			
2	Sở Y tế	200		0%			
3	Bệnh viện tỉnh	500		0%			
4	Ban QLDA Tam nông giai đoạn 2	2.200		0%			
5	Chi cục Thủy sản	14.800		0%			
6	Trường Cao đẳng Nghệ	14.528		0%			
7	Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh	15.020		0%	2.458		0%
8	Trường Cao đẳng Y tế	20.000		0%			
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	20.850		0%	2.663		0%
10	BCH Quân sự tỉnh	27.556		0%			
11	Sở Thông tin và Truyền thông	78.613		0%			
12	BQLDA SACCR	51.700	693	1%			
13	Công an tỉnh	8.093	2.506	31%			
14	Ban Dân tộc	600	553	92%			
C	NGÂN SÁCH HUYỆN, XÃ, THÀNH PHỐ	603.258	124.229	21%	51.321	1.062	2%
	<i>Trong đó vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>155.926</i>	<i>56.107</i>	<i>36%</i>	<i>1.184</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	34.131	12.048		-	-	
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	24.278	12.816	53%	586	-	0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	97.517	31.242		597	-	
C.1	THÀNH PHỐ PHAN RANG THÁP CHÀM	162.404	21.263	13%			
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>550</i>	<i>-</i>	<i>0%</i>			
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025						

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2025	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	550	-	0%			
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030						
C.2	NINH SON	57.309	8.959	16%			
	Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)	8.126	337	4%			
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	1.350					
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	2.610	337	13%			
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	4.166		0%			
C.3	NINH HẢI	45.237	12.731	28%	25.048	1.062	4%
	Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)	5.667	4.303	76%	182		0%
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	688	134	19%			
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	3.879	3.283	85%	101		0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	1.100	886	81%	81		0%
C.4	NINH PHƯỚC	86.579	19.289	22%			
	Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)	1.843	1.134	62%			
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025						
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	640		0%			
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	1.203	1.134	94%			
C.5	BÁC ÁI	113.655	35.526	31%			
	Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)	99.748	32.898	33%			
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	28.023	9.492	34%			
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	6.500	4.030	62%			

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn giao trong năm 2025	Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm	Tỷ lệ	Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6	7	8
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	65.225	19.377	30%			
C.6	THUẬN BẮC	90.368	13.140	15%	184		0%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>26.893</i>	<i>9.845</i>	<i>37%</i>	<i>184</i>		<i>0%</i>
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	1.070					
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025				16		0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030	25.823	9.845	38%	168		0%
C.7	THUẬN NAM	47.706	13.322	28%	26.089		0%
	<i>Trong đó: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia (1+2+3)</i>	<i>13.099</i>	<i>7.589</i>	<i>58%</i>	<i>818</i>		<i>0%</i>
1	CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	3.000	2.423	81%			
2	CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	10.099	5.166	51%	469		0%
3	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030				349		0%

Thuyết minh :

- Đánh giá riêng kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của địa phương đến hết tháng 02/2025 là 205,9 tỷ đồng:
 - * Đạt 7,7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (2.668,4 tỷ đồng);
 - * Đạt 6,2% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao đầu năm (3.338,4 tỷ đồng);
 - * Đạt 8,7% kế hoạch vốn phân bổ chi tiết, nhập Tabmis (2.350,5 tỷ đồng).
- Cột 2: Danh sách Chủ đầu tư được sắp xếp theo tỷ lệ giải ngân từ thấp đến cao.
- Cột 3: Số liệu thể hiện là kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết cho từng dự án và đã nhập Tabmis.

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 3 năm 2025 *Thái Vy*



Lê Thái Vy